

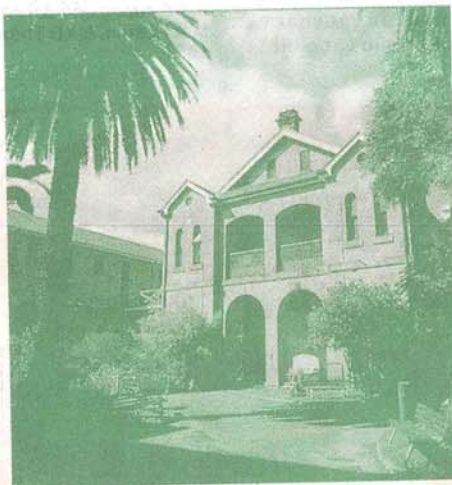
Quá trình hiện đại hóa là một tất yếu khách quan, nó diễn ra ở đa số các nước trên thế giới. Hiện đại hoá làm nảy sinh nhiều vấn đề nan giải, trong số đó vấn đề bảo tồn và phát triển truyền thống văn hoá dân tộc luôn luôn được quan tâm và giữ một vị trí quan trọng. Lý luận hiện đại hoá đã được chúng tôi xem xét trên góc độ chuyển tiếp từ một thang bậc phát triển xã hội này lên thang bậc xã hội khác(1). Tất cả các lý luận được đề cập tới trong bài viết đó (lý luận xã hội hậu công nghiệp, lý luận "làn sóng thứ ba", lý luận hiện đại hoá), là các lý luận kiểu giai đoạn. Chúng đặt ra nhiệm vụ tách biệt các phương thức tổ chức xã hội mà đồng thời cũng là các giai đoạn của sự phát triển lịch sử toàn cầu. Vấn đề các nền văn minh khu vực không được đề cập tới trong chúng. Trong khi đó thì lý luận các nền văn minh khu vực có một ý nghĩa quan trọng đối với việc nghiên cứu quá trình hiện đại hoá, và nó cũng được phổ biến rất rộng rãi trong tư tưởng triết học phương Tây thế kỷ XX. Chúng tôi sẽ cố gắng phân tích lý luận này nhằm góp phần giải quyết vấn đề quan hệ giữa hiện đại hoá và bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống.

Nhà sử học và triết học người Anh là A. Toynbee đã có một đóng góp đặc biệt trong việc xây dựng lý luận về các nền văn minh khu vực(2). Có thể nói, lý luận về các nền văn minh khu vực là khác căn bản so với lý luận kiểu giai đoạn xét về phương thức tiếp cận với lịch sử toàn cầu, xét quan niệm về mối quan hệ giữa lịch sử nhân loại và lịch sử của các khu vực và các nước riêng biệt. Để làm sáng tỏ nội dung của lý luận về các nền văn minh khu vực thì sẽ hợp lý nếu đối chiếu những luận điểm cơ bản của hai lý luận ấy. Sự đối chiếu ấy sẽ chỉ ra những luận điểm đó là trực tiếp đối lập trên nhiều phương diện.

Theo lý luận về các giai đoạn lịch sử toàn cầu, lịch sử nhân loại là thống nhất, do vậy tất cả các nước và các

VẤN ĐỀ HIỆN ĐẠI HOÁ VÀ CÁC NỀN VĂN MINH KHU VỰC TRONG TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC HIỆN ĐẠI

NGUYỄN THANH



dân tộc đều cùng trải qua một số các giai đoạn phát triển lịch sử dưới hình thức này hay hình thức khác. Lý luận về các nền văn minh khu vực xuất

phát từ một luận điểm đối lập: không tồn tại lịch sử của nhân loại với tư cách một quá trình thống nhất ngay từ đầu, mà chỉ có lịch sử xuất hiện, phát triển và tan rã của các nền văn minh khu vực riêng biệt. Lịch sử của nhân loại cấu thành từ lịch sử độc đáo của các nền văn minh riêng biệt. Xin lưu ý, một số người bảo vệ quan điểm về các nền văn minh khu vực cho rằng, quan niệm về các giai đoạn phát triển thống nhất đối với toàn bộ thế giới là kết quả của việc chuyển một cách phi lý các đặc điểm lịch sử phương Tây vào toàn bộ thế giới. Lý luận về các giai đoạn lịch sử toàn cầu thường xuất phát từ luận điểm cho rằng, sự tiến bộ lịch sử có mặt trong lịch sử của nhân loại với tư cách một chỉnh thể thống nhất. Ngược lại, lý luận về nền văn minh khu vực lại khẳng định rằng sự tiến bộ có mặt trước hết và duy nhất trong khuôn khổ các nền văn minh khu vực đang nằm ở giai đoạn phát triển đi lên của chúng. Từ lý luận về các giai đoạn lịch sử toàn cầu suy ra rằng, sứ mệnh chủ yếu của nhà nước, dân tộc là ở chỗ làm sao để góp phần thúc đẩy sự tiến bộ chung nhân loại, sự phát triển tiến tới của toàn thể nhân loại. Theo lý luận về các nền văn minh khu vực, nhà nước cần phải quan tâm tới việc bảo tồn và phát triển nền văn minh riêng của mình.

Đương nhiên là lý luận về các giai đoạn lịch sử toàn cầu và lý luận về các nền văn minh khu vực là không dung hợp được với nhau ở những điểm nêu trên. Do vậy, tư tưởng về các nền văn minh khu vực suốt trong một thời gian dài đã bị các nhà triết học Xô viết trước đây kiên quyết bác bỏ với lý do là không phù hợp với lý luận về các hình thái kinh tế-xã hội với tư cách các giai đoạn lịch sử toàn cầu.

Q u a n niệm về năm hình thái với tư cách năm giai đoạn nối tiếp nhau của sự phát triển

toàn cầu đã xuất hiện như là kết quả của việc Stalin tầm thường hoá, đơn giản hoá học thuyết của Marx. Quan điểm của Marx về vấn đề này là sát

sắc hơn rất nhiều, thí dụ, Marx đã nghiên cứu kỹ cái gọi là phương thức sản xuất châu Á, phương thức hoàn toàn không hoà nhập được với lược đồ năm hình thái của Stalin.

Nhân đây xin lưu ý rằng, ngay từ giữa thế kỷ thứ XIX, nhà triết học người Nga là N. Đanilepski đã đưa ra quan điểm mà, xét về thực chất, đồng nhất với lý luận về các nền văn minh khu vực. Khái niệm "hình thái văn hoá - lịch sử" giữ vị trí trung tâm trong quan điểm của N. Đanilepski. Ông hiểu nó là một hệ thống xã hội toàn vẹn, được quy định bởi những nhân tố văn hoá, tâm lý, tự nhiên v.v... vốn có ở mỗi dân tộc. Theo N. Đanilepski, trong lịch sử nhân loại có hàng loạt hình thái văn hoá - lịch sử. Một số hình thái đã chấm dứt tồn tại sau khi đã trải qua các giai đoạn phát triển tự nhiên (xuất hiện, phát triển, tan rã) của mình. Số khác đã bị tiêu vong mà chưa kịp kết thúc các giai đoạn phát triển tự nhiên của mình. Số thứ ba còn lại hiện đang tồn tại. Khi một hình thái văn hoá - lịch sử đạt tới đỉnh cao phát triển thì được gọi là văn minh(3).

Một phương diện quan trọng của khái niệm hiện đại về nền văn minh khu vực là tính đa dạng, đa cấp độ, đa phương diện và có quy mô lớn của nó. Nền văn minh khu vực là một kết cấu có quy mô và tổ chức phức tạp, tham gia vào chính thể thế giới một cách trực tiếp nhất và có ảnh hưởng quan trọng đến chính thể ấy. Các đặc điểm của khái niệm về văn minh được trình bày rất rõ ràng trong định nghĩa của Hantington: "chúng ta có thể xác định nền văn minh như là một cộng đồng văn hóa cấp cao nhất, như là cấp độ đồng nhất rộng lớn nhất về văn hóa của con người. Tạo thành thang bậc tiếp theo đã là cái phân biệt loài người với các loài sinh vật khác. Các nền văn minh được quy định bởi sự hiện diện các đặc điểm chung có tính khách quan như ngôn ngữ, lịch sử, tôn giáo, tập quán, các thiết chế, cũng như bởi sự tự đồng nhất hóa mang tính chủ quan của con người. Có các cấp độ tự đồng nhất hoá khác nhau: thí dụ, người dân Roma có thể tự coi mình là người Roma, người Ý, tín đồ Cơ Đốc giáo, tín đồ Thiên Chúa giáo, người châu Âu, người phương Tây. Nền văn minh - đó là cấp độ thống nhất lớn nhất mà con người tự đối chiếu mình với nó. Sự tự đồng nhất hoá về mặt văn hoá của con người có thể biến đổi, do vậy thành phần và giới hạn của nền văn minh cũng biến đổi" (4).

Một điều hiển nhiên là một nước này hay nước khác ở một thời đại xác định hoặc là thuộc về một trong các nền văn minh đang cùng tồn tại, hoặc là bị ràng buộc với một trong số

chúng, cuối cùng, hoặc là tự mình là một nền văn minh, là nước - văn minh.

Cũng có một sự thật là những sự kiện gần đây đã đưa tới chỗ mở rộng khuôn khổ của nền văn minh phương Tây. Một số nước Đông Âu đã hay đang gia nhập vào nền văn minh phương Tây. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, quá trình hiện đại hoá theo mô hình phương Tây hoàn toàn không phải bao giờ cũng trùng hợp với quá trình gia nhập vào nền văn minh phương Tây. Thí dụ, có thể coi Thổ Nhĩ Kỳ và Nhật Bản là các nước "tiến nhanh" về phương diện hiện đại hoá. Song, các nước này có tiến xa đến đâu chăng nữa trong việc tiếp thu những yếu tố của lối sống phương Tây, quan hệ xã hội, công nghệ và v.v của phương Tây, thì chúng chắc gì sẽ có thể trở thành một bộ phận hữu cơ của thế giới phương Tây, hơn nữa nhiệm vụ như vậy không được đặt ra cho chúng. Yếu tố nêu trên có một ý nghĩa lý luận và thực tiễn hết sức quan trọng. Việc tính đến nó cho phép khắc phục được xu hướng sao chép máy móc kinh nghiệm hiện đại hoá của các nước phát triển, bảo tồn được nền văn minh độc đáo của riêng mình trong quá trình tiến hành hiện đại hoá, qua đó giữ được địa vị của mình trong cộng đồng các dân tộc trên thế giới. Song việc thừa nhận tính đa dạng về văn minh của thế giới hiện đại cũng đặt ra vấn đề về chủ nghĩa hậu hiện đại.

Chủ nghĩa hậu hiện đại thường được quan niệm là một lối sống và suy nghĩ, một tâm trạng đặc biệt, đặc trưng cho các xã hội đã kết thúc giai đoạn hiện đại hoá. Đó là xã hội hậu hiện đại (postmodern society). Theo lý luận về hiện đại hoá, bắt đầu từ những năm 70 thế kỷ XX, bước vào giai đoạn hậu hiện đại là các nước phương Tây, cũng như các nước không thuộc thế giới phương Tây nhưng đã tự tìm thấy ở mình sức mạnh sáng tạo để thực hiện hiện đại hoá trên cơ sở riêng có của mình. Khác với hiện đại hoá "đuối theo", "mô phỏng", hiện đại hoá trên cơ sở riêng có của mình đòi hỏi phải tính đến các đặc thù dân tộc và văn minh của nước mình, phải có thái độ giữ gìn đối với các truyền thống, tính đặc thù và độc đáo văn hoá. Xã hội hậu hiện đại nhìn chung là sự tích hợp các đặc điểm của xã hội hiện đại và của xã hội truyền thống, là sự tổng hợp độc đáo của chúng. Thái độ đối với quá khứ, truyền thống, cái "không hiện đại" đã thay đổi triệt để (so với chủ nghĩa hiện đại), trong khuôn khổ của chủ nghĩa hậu hiện đại, nó không bị bác bỏ, mà tham gia một cách hữu cơ vào cái hậu hiện đại và giữ một vị trí xứng đáng ở trong nó.

Theo một số nhà nghiên cứu, xã hội hậu hiện đại bao trùm trong mình định hướng vào cái mới khi có tính đến truyền thống; sử dụng truyền thống với tư cách tiền đề cho hiện đại hoá; tổ chức đời sống xã hội theo lối trần tục, nhưng vẫn coi trọng tôn giáo và thần thoại trong đời sống tinh thần; đề cao cá nhân có năng lực sáng tạo, nhưng vẫn chấp nhận và sử dụng các hình thức hoạt động tập thể hiện có; kết hợp các giá trị thế giới quan và các giá trị thực dụng; tính chất dân chủ của quyền lực, nhưng cũng công nhận quyền uy trong chính trị; sức sản xuất cao, nhưng cũng giới hạn tăng trưởng; dung hợp các đặc trưng tâm lý của con người thuộc xã hội truyền thống và của con người thuộc xã hội hiện đại(5). Như vậy, chủ nghĩa hậu hiện đại là đối lập với chủ nghĩa hiện đại trên bình diện quan hệ với xã hội truyền thống, chưa được hiện đại hoá. Lối suy nghĩ hậu hiện đại không chấp nhận nhiều khuôn mẫu đã hình thành từ thời Khai sáng và trở thành chỗ dựa cho chủ nghĩa hiện đại. Kỷ nguyên hậu hiện đại cố gắng né tránh "chủ nghĩa cực đoan" của thời Khai sáng thể hiện qua thái độ phủ định thái quá đối với thời trung cổ, tôn giáo, quyền uy, của các nền văn minh không thuộc phương Tây, lối sống nông nghiệp v.v...(6).

Như vậy, chủ nghĩa hậu hiện đại và lý luận về các nền văn minh khu vực đã đặt ra và giải quyết khá thoả đáng một vấn đề thực sự cấp bách và quan trọng - vấn đề hiện đại hoá và các nền văn minh khu vực. Thiết nghĩ, khi tiến hành hiện đại hoá, lối suy nghĩ hiện đại và cách tiếp cận văn minh có một ý nghĩa gợi mở to lớn đối với việc đặt ra và giải quyết những vấn đề trọng đại như tiếp biến văn hoá, bảo tồn truyền thống văn hoá dân tộc, xây dựng một quốc gia hiện đại, văn minh, có "bộ mặt" và có địa vị riêng của mình trong quá trình quốc tế hoá đang diễn ra như vũ bão. Đó cũng là tư tưởng mà tác giả của bài viết này muốn chia sẻ cùng độc giả ■

(1) Xem: Nguyễn Thanh. Phân loại các kết cấu xã hội và lý luận hiện đại hóa trong triết học phương Tây hiện đại. *T/C Triết học*, số 3.2000, tr.48 - 52.

(2) (2) Xem: A. Toynbee. *A Study of History*. V. 1 - 12, 1934 - 1961.

(3) Xem: N. Đanilepski. *Nước Nga và châu Âu*. Matxcova, 1991.

(4) S. Hantington. Sự xung đột giữa các nền văn minh? *T/C Nghiên cứu chính trị*, số 1, 1994, tr.33.

(5) Xem: *Hiện đại hóa: từ bình đẳng đến tự do*. Xanh - Petecbua, 1995, tr.227.

(6) Xem: H.Gadamer, *Chân lý và phương pháp*, Matxcova, 1988, tr.331 - 333.